TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1647/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 21/8/2026
V/v : Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Duy Minh Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Dân

2. Ông Lý Ngọc Hiếu

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Trần Phương Vy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Lê Duy Anh. – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 7 và 21 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1258/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh, về "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3331/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/7/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3862/2026/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Quang V; Sinh năm 1995;

Số định danh cá nhân: 079095013664;

Nơi cư trú: Số B đường T, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Bị đơn: Bà Đinh Nguyễn Thị Ánh P; Sinh năm 1996;

Số định danh cá nhân: 079196016473;

Nơi cư trú: Số A đường T, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh;

(Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Trần Quang V trình bày:

Ông Trần Quang V và bà Đinh Nguyễn Thị Ánh P là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A1, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 30/8/2018, nay là Ủy ban nhân dân phường P, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 40. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống và có 02 con chung. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hòa hợp, thường xuyên cãi vã. Mặc dù hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng tình trạng hôn nhân vẫn không thay đổi, tình cảm vợ chồng đã thực sự tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống. Ông V nộp đơn khởi kiện đến Tòa án để yêu cầu:

- Về hôn nhân: Đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Đinh Nguyễn Thị Ánh P.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Hoàng K, sinh ngày 27/02/2019 và cháu Trần Phúc A, sinh ngày 07/11/2023. Ông V đề nghị Tòa án giao cháu Trần Hoàng K cho ông trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, bà P không phải cấp dưỡng nuôi cháu K; Giao cháu Trần Phúc A cho bà Đinh Nguyễn Thị Ánh P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, ông V tự nguyện thực hiện cấp dưỡng nuôi cháu A 10.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông V xác nhận và cam kết giữa ông và bà P không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Đinh Nguyễn Thị Ánh P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do, không có văn bản trình bày ý kiến nên Tòa án không ghi được lời khai, không tiến hành hòa giải được.

Kết quả xác minh của Công an phường P, Thành phố Hồ Chí Minh xác định bà Đinh Nguyễn Thị Ánh P có đăng ký cư trú và trên thực tế đang cư trú tại địa chỉ 1 T, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh cùng trẻ Trần Phúc A.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của cháu Trần Hoàng K (có sự chứng kiến của ông Trần Quang V). Cháu K trình bày nguyện vọng được tiếp tục sống cùng cha để ổn định việc học hành.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử được thành lập đúng thành phần; Việc tiến hành phiên tòa, ghi biên bản phiên tòa của Thư ký đúng trình tự, thủ tục luật định. Vụ án được giải quyết trong thời hạn.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng. Bị đơn được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chưa chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án hôn nhân gia đình:

+ Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân hợp pháp nhưng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, có căn cứ theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn.

+ Về con chung: Việc giao cháu Trần Hoàng K cho ông V và cháu Trần Phúc A cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, cùng mức cấp dưỡng 10.000.000 đồng/tháng đối với cháu A, là phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có tranh chấp, không có căn cứ để xem xét, giải quyết.

Từ các phân tích trên; Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt bị đơn; Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về án phí, giải quyết theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Đinh Nguyễn Thị Ánh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Do vậy, căn cứ Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa lần thứ nhất (ngày 31/7/2026), bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa, ấn định mở lại phiên tòa vào 13 giờ 30 phút ngày 21/8/2026.

Tại phiên tòa lần thứ hai, bị đơn tiếp tục được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không thuộc trường hợp có sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, bị đơn cũng không có yêu cầu phản tố. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Đinh Nguyễn Thị Ánh P.

Nguyên đơn – Ông Trần Quang V có đơn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn khởi kiện của ông Trần Quang V thì đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng theo yêu cầu một bên. Bị đơn bà Đinh Nguyễn Thị Ánh P có nơi cư trú tại 1 T, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Ông V và bà P kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường A1, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ủy ban nhân dân phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) ngày 30/8/2018, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 40, nên xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Xét yêu cầu ly hôn của ông V, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hòa hợp, thường xuyên cãi vã. Mặc dù hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng tình trạng hôn nhân vẫn không thay đổi. Căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, yêu cầu của ông V là có căn cứ cần được xem xét, giải quyết.

Mặc dù Tòa án đã tạo điều kiện để các bên hòa giải đoàn tụ nhưng bà P không tham gia tố tụng, không thể hiện thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân, cũng không có mặt tại các phiên tòa xét xử; điều này thể hiện bà P không còn tha thiết đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình. Bên cạnh đó, kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân phường P, Thành phố Hồ Chí Minh tại văn bản số 1782/UBND-VP ngày 01/7/2026 cũng xác định thực tế ông V và bà P đã ly thân, không còn chung sống với nhau. Đây là chứng cứ khách quan, độc lập với việc bị đơn không tham gia tố tụng, càng củng cố thêm cơ sở xác định đời sống chung của vợ chồng trên thực tế đã chấm dứt. Tình

cảm vợ chồng giữa ông V và bà P không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Vì vậy, có đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa ông V và bà P đã lâm vào tình trạng trầm trọng theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của ông V là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[3.2] Về con chung:

Ông V và bà P xác định có 02 con chung là cháu Trần Hoàng K, sinh ngày 27/02/2019 và cháu Trần Phúc A, sinh ngày 07/11/2023.

Đối với cháu Trần Hoàng K: Tại thời điểm xét xử, cháu K đã trên 07 tuổi. Kết quả lấy lời khai thể hiện cháu K có nguyện vọng được sống cùng cha. Từ khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn đến nay, cháu K sống cùng và được ông V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, điều kiện sống và học tập ổn định; ông V có nơi cư trú ổn định, có khả năng bảo đảm việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Bà P đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có ý kiến đối với yêu cầu nuôi con của ông V. Xét thấy việc giao cháu Trần Hoàng K cho ông Trần Quang V trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu và thực tế cuộc sống hiện tại, bảo đảm quyền lợi mọi mặt của cháu, phù hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi cháu K: Ông V là người trực tiếp nuôi con nhưng không yêu cầu bà P cấp dưỡng. Đây là quyền tự định đoạt của ông V, hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, phù hợp quy định tại Điều 82 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được ghi nhận.

Đối với cháu Trần Phúc A: Tại thời điểm xét xử, cháu A chưa đủ 36 tháng tuổi. Căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Xét thấy chưa có căn cứ xác định bà P không đủ điều kiện nuôi con, đồng thời đây cũng là đề nghị của chính ông V, nên có cơ sở chấp nhận giao cháu Trần Phúc A cho bà Đinh Nguyễn Thị Ánh P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi cháu A: Ông V tự nguyện đề nghị được cấp dưỡng nuôi cháu A 10.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Xét mức cấp dưỡng này phù hợp với khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng, là sự tự nguyện, không trái pháp luật, phù hợp quy định tại Điều 82, Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung:

Ông V tự khai giữa ông và bà P không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do chưa có ý kiến của bà P về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết; nếu sau này có tranh chấp, các bên có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông V chịu án phí dân sự sơ thẩm (Ly hôn) là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm (Cấp dưỡng nuôi con chung) là 300.000 đồng.

[5] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh nhận định Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 207, khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13;

- Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 01/7/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

- Điều 3 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

Áp dụng:

- Các Điều 8, 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 và 116 Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13;

- Điều 357, 468 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang V.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Ông Trần Quang V được ly hôn với bà Đinh Nguyễn Thị Ánh P.

2. Về con chung:

Ông Trần Quang V và bà Đinh Nguyễn Thị Ánh P có 02 con chung tên:

+ Trần Hoàng K, sinh ngày 27/02/2019 và

+ Trần Phúc A, sinh ngày 07/11/2023.

Giao cháu Trần Hoàng K cho ông Trần Quang V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Bà Đinh Nguyễn Thị Ánh P không phải cấp dưỡng nuôi cháu Trần Hoàng K.

Giao cháu Trần Phúc A cho bà Đinh Nguyễn Thị Ánh P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông Trần Quang V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Phúc A với mức 10.000.000 đồng/tháng (Mười triệu đồng/tháng), kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Trần Phúc A đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành nghĩa vụ thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung:

Không xem xét giải quyết. Trường hợp có tranh chấp, các bên có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm (Ly hôn) là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm (Cấp dưỡng nuôi con chung) là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), ông Trần Quang V phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0036908 ngày 11/6/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố

Hồ Chí Minh. Ông Trần Quang V còn phải nộp thêm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7, 8 và Điều 36 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Thi hành án dân sự Tp. HCM;
- Phòng THADS khu vực 10 – Tp. HCM;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- VKSND khu vực 10 – Tp. HCM;
- TAND TP. HCM;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

2 000028 206208

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Lương Duy Minh Chính